TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2023
"V/v:Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Điêu Thị Bích Lượt**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Thắng**
Bà **Bùi Thị Hảo**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Quân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 2 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa. Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Ông Hà Văn L, sinh năm 1942.

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

Người được nguyên đơn ủy quyền: anh Hà Văn N, sinh năm 1977.

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

***Bị đơn*:** Ông Bùi Văn B, sinh năm 1944.

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

Người được bị đơn ủy quyền: Anh Bùi Quốc Đ, sinh năm 1982

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ (theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2022).

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1947 (Nguyễn Thị S là vợ ông B).

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

Người được Nguyễn Thị S ủy quyền: Anh Bùi Quốc Đ, sinh năm 1982.

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ (theo giấy ủy quyền ngày 28/02/2022).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1944 (Bà T vợ ông L)

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

Bà T ủy quyền cho anh: Hà Văn N, sinh năm 1977.

TT: Khu 7, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

3. Ủy ban nhân dân huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: thị trấn Yên L, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Yên L

4. Ủy ban nhân dân xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ:

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đức T - Cán bộ địa chính xã Xuân V)

(Anh N, anh Đ có mặt, những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Phú Thọ đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hà Văn N trình bày:

Năm 1969 gia đình anh có khai phá và sử dụng diện tích đất 122m^2 đất nông nghiệp trồng lúa theo sổ mục kê của địa chính xã là thửa số 138, tờ bản đồ số 02, thuộc bản đồ 299. Quá trình sử dụng gia đình anh đã đóng thuế đầy đủ, sau này không phải đóng thuế nữa gia đình anh vẫn sử dụng ổn định không có tranh chấp với ai. Năm 2014 gia đình anh cho anh Phan Văn Th thuê thửa đất trên. Anh Th đã làm kho bán vật liệu xây dựng, xây tường bao quanh, đến tháng 8 cùng năm do bão nên đã bị tốc mái nhà kho, vì điều kiện khó khăn nên anh Th không khôi phục lại nữa và đã trả lại đất cho gia đình anh. Sau khi anh Th trả lại đất, gia đình anh canh tác trồng cây chuối và cây khoai lang. Đến năm 2020 ông Bùi Văn B cho máy san gạt thửa đất của gia đình anh và san cả tường anh Th xây thì gia đình anh mới biết năm 2013 có dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông B đã chỉ cho đơn vị đo đo cả diện tích thửa đất 138 gia đình anh đang sử dụng vào diện tích đất nhà ông B và gia đình ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có cả thửa đất của gia đình anh đã sử dụng từ những năm 1969.

Diện tích đất tranh chấp là 122m^2 đã được xem xét thẩm định tại chỗ và Hội đồng định giá, định giá ngày 25/5/2022 trị giá đất là 2.000.000đ/m^2, anh nhất trí không có ý kiến gì khác. Trên đất hiện nay gia đình anh đang trồng cây khoai lang và cây chuối gia đình anh không đề nghị định giá các tài sản trên. Nay bố anh khởi kiện đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072 UBND huyện Yên L cấp cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ 02 thuộc bản đồ 299 và buộc gia đình ông B

trả lại cho bố, mẹ anh thửa đất số 138, tờ bản đồ 02 diện tích đất 122m^2 tại: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yện Lập.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Bùi Quốc Đ trình bày:

Về thửa đất số 138, tờ bản đồ 02 diện tích 122m^2 ông L khởi kiện gia đình anh lấn chiếm anh có ý kiến như sau: Thửa đất này nằm cạnh thửa đất của gia đình anh, trước đây gia đình ông L sử dụng sau đó do mở đường vào xóm diện tích đất này đã được đào để đắp đường và thửa đất này bị trũng không còn sử dụng được, gia đình ông L cũng không sử dụng. Đến năm 2013 theo luật đất đai sửa đổi bổ sung bố mẹ anh có kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình kê khai có cán bộ địa chính xã Xuân V, bí thư chi bộ khu, trưởng khu 2 Vải Đ đi cùng và xác định ranh giới sau đó đã được Hội đồng xét duyệt của UBND xã Xuân V xét duyệt và thông báo công khai đến toàn thể nhân dân trong xã và các khu dân cư được biết và không có ai có ý kiến gì và sau đó gia đình anh đã được UBND huyện Yên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072, ngày 12/12/2014 tên người sử dụng đất là ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, trên đất hiện nay gia đình ông L đang trồng cây khoai lang và cây chuối.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu bố mẹ anh phải có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông L diện tích 122m^2 gia đình anh không đồng ý vì bố mẹ anh đã được UBND huyện Yên L cấp giấy chứng nhận với diện tích đất này là đúng quy định pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T là anh Hà Văn N trình bày:

Mẹ tôi là bà Nguyễn Thị T nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bố tôi đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072 UBND huyện Yên L cấp cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S đối với thửa số 138, tờ bản đồ số 02, thuộc bản đồ 299. Buộc gia đình ông B phải trả lại cho bố, mẹ tôi thửa số 138, tờ bản đồ số 02, thuộc bản đồ 299 diện tích đất 122m^2 đã lấn chiếm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S là anh Bùi Quốc Đ trình bày:

Mẹ anh là bà Nguyễn Thị S nhất trí với trình bày trên của bố anh, gia đình anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của gia đình ông L, vì bố mẹ anh đã được UBND huyện Yên L cấp giấy chứng nhận với diện tích đất này là đúng quy định pháp luật.

Trình bày của Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Yên L: Hộ ông Bùi Văn B được ủy ban nhân dân huyện Yên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 142073 ngày 12/12/2014 với tổng diện tích 1.672,3m^2 (trong đó có 200m^2 đất ở và 1472,3m^2 đất trồng cây lâu năm khác) tại thửa 80, tờ bản đồ số 13, thuộc: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L. Trong diện tích 1.672,3m^2 mà UBND huyện Yên L cấp GCNQSDĐ cho ông B, Nguyễn Thị S có

122m^2 đất 1 lúa thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 02, theo sổ mục kê năm 2000 thửa đất này thuộc UBND xã quản lý, theo thực tế sử dụng thì do gia đình ông Hà Văn L sử dụng.

Nay ông L khởi kiện ông B đề nghị gia đình ông B trả lại thửa đất lúa số 138, tờ bản đồ số 02 và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 142073 ngày 12/12/2014 do UBND huyện Yên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, Nguyễn Thị S. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ căn cứ thực tế sử dụng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Xuân V, huyện Yên L.

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp giữa hộ ông Hà Văn L và ông Bùi Văn B 122m^2 theo sổ mục kê và bản đồ 299 do UBND xã Xuân V quản lý, diện tích đất này thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299, diện tích đất này do ông Hà Văn L khai phá từ năm 1969 và ông Hà Văn L sử dụng ổn định trên đất từ năm 1969 đến nay, diện tích đất này ông Hà Văn L chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ 13, địa chỉ: khu 2, Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ, diện tích 1672.3m^2 tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142073, Uỷ ban nhân dân huyện Yên L, tỉnh Phú Thọ, cấp ngày 12/12/2014 tên người sử dụng đất ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S. Thửa đất này ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 2000 là thửa số 32, tờ bản đồ 25, bản đồ 299, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00475, UBND huyện Yên L cấp tên người sử dụng đất bà Nguyễn Thị S số vào sổ ngày 12/12/1999, diện tích 1710m^2 (không bao gồm diện tích đất tranh chấp 122m^2). Năm 2000 Nguyễn Thị S tách đất cho con, diện tích còn lại là 959m^2. Năm 2014 cấp lại là thửa đất số 80, tờ bản đồ 13, diện tích 1672.3m^2 (bao gồm diện tích đất tranh chấp 122m^2).

Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ 13, diện tích 1672.3m^2. Năm 2012 có dự án đo đạc bản đồ địa chính của UBND huyện Yên L, đơn vị đo đạc tư vấn trực tiếp làm hồ sơ và đối chiếu bản đồ 299 và giấy CNQSDĐ năm 2000. Đơn vị tư vấn trình UBND xã Xuân V để xác nhận. Do UBND xã không trực tiếp tham gia đo đạc lập hồ sơ nên không phát hiện ra đơn vị tư vấn đã đo cả diện tích 122m^2 thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299 do ông Hà Văn L khai phá vào tổng diện tích đất của ông B, Nguyễn Thị S. Đến năm 2020 ông Hà Văn L có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất, UBND xã mới phát hiện có sự nhầm lẫn về diện tích đất trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S đã bao gồm cả diện tích

122m^2 của ông L đang quản lý sử dụng. UBND xã Xuân V đã mời hai hộ lên để hòa giả nhưng không thành.

Quan điểm của UBND xã là diện tích diện tích 122m^2 thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 2, bản đồ 299 do ông Hà Văn L khai phá và sử dụng ổn định từ năm 1969 nhưng trên giấy tờ vẫn do UBND xã Xuân V quản lý. Đất chưa được nhà nước giao cho ông L sử dụng, nhưng thực tế gia đình ông L canh tác từ năm 1969 đến nay đề nghị ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S có trách nhiệm trả lại cho ông Hà Văn L.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn L.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 8, Điều 203 Luật đất đai, khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số do UBND huyện Yên L cấp cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S đối với một phần thửa đất số 80, tờ bản đồ 13 diện tích đất 122m^2 loại đất trồng cây lâu năm: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yện Lập.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn L đề nghị buộc ông Bùi Văn B phải trả lại cho ông L thửa đất số 138, diện tích 122m2, bản đồ 299 tại: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L.

Đối với thửa đất số 138, diện tích 122m^2, bản đồ 299 tại: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L đương sự có quyền đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về chi phí tố tụng: Ông B có trách nhiệm trả cho ông L ½ tiền chi phí tố tụng.

Về án phí: Miễn án phí cho ông L, ông B.

(Chi tiết bài phát biểu của Viện kiểm sát lưu trong hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà ông Hà Văn L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072 UBND huyện Yên L cấp cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S, trú tại: xã Xuân V, huyện Yên L để trả lại diện tích đất 122m^2 cho ông L, bà T. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã tiến hành các trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hà Văn L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072 UBND huyện Yên L cấp cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S, trú tại: xã Xuân V, huyện Yên L đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 02 thuộc bản đồ 299. Hội đồng xét xử nhận định như sau: Nguồn gốc sử dụng thửa đất này theo ông L và những hộ dân sống cùng khu dân cư với gia đình ông L và UBND xã Xuân V xác định là do gia đình ông L đã khai phá sử dụng từ những năm 1969 cho đến nay. Hiện nay thửa đất này trong sổ mục kê lưu trữ tại UBND xã Xuân V vẫn đứng tên chủ quản lý là UBND xã Xuân V. Tuy nhiên, theo trình bày của UBND xã Xuân V, năm 2012 có dự án đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân thuộc xã Xuân V, huyện Yên L, đơn vị đo vẽ đã tự đo vẽ cả diện tích 122m^2 đất 1 lúa thuộc thửa 32, tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 do gia đình ông Hà Văn L khai phá sử dụng vào tổng diện tích đất hộ ông B, Nguyễn Thị S và tự chuyển thành đất trồng cây lâu năm khác. Việc đơn vị tư vấn tự ý đo vẽ cả diện tích 122m^2 đất 1 lúa thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 do gia đình ông Hà Văn L khai phá sử dụng vào tổng diện tích đất hộ ông B, Nguyễn Thị S và tự chuyển thành đất trồng cây lâu năm khác là không đúng theo quy định của Luật đất đai. Năm 2000 gia đình ông B, Nguyễn Thị S được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 25, diện tích 1710m^2. Năm 2012 tách thành 02 thửa là thửa đất số 64, tờ bản đồ 25, diện tích 760m2 và thửa đất số 32, tờ bản đồ số 25, diện tích 950m^2. Ngày 23/8/2012 ông B chuyển nhượng thửa đất số 64, tờ bản đồ 25, diện tích 760m2 cho ông Bùi Cao Miện và bà Hoàng Thị Hoa. Năm 2014 ông B, Nguyễn Thị S cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 80, tờ bản đồ số 13, diện tích 1672,3m^2, diện tích tăng thêm từ 722,3m^2 theo UBND là do bao thửa 135, thửa 138 tờ bản đồ số 02 bản đồ 299 và sai số do đo đạc.

Hiện nay diện tích 122m^2 thuộc thửa 138, tờ bản đồ số 2 bản đồ 299 vẫn là đất 1 lúa, nhưng diện tích thửa đất này đã được UBND huyện Yên L cấp giấy chứng

nhận đất trồng cây lâu năm khác cho hộ ông B, Nguyễn Thị S. Như vậy, việc UBND huyện Yên L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ông B, Nguyễn Thị S, trong khi đó gia đình ông L đang trực tiếp sử dụng là không đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 đất của gia đình ông B, Nguyễn Thị S là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông L buộc ông B, Nguyễn Thị S phải trả cho ông L, bà T thửa đất số 138, tờ bản đồ số 02, bản đồ 299 diện tích 122m2. Hội đồng xét xử nhận định: Thửa đất trên gia đình ông L đang trực tiếp sử dụng. Tuy nhiên trong sổ mục kê hiện vẫn là đất do UBND xã Xuân V quản lý. Gia đình ông L chưa được UBND xã Xuân V giao cho quyền sử dụng. Do vậy, đối với yêu cầu này không có căn cứ pháp lý để tòa án buộc ông B phải trả cho ông L, bà T thửa đất trên. Gia đình ông L nhận thấy có đủ điều kiện thì đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án anh N là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp tiền chi phí tạm ứng cho việc xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản hết 2.400.000 đồng, đo vẽ bằng máy hết số tiền 8.500.000 đồng (có bảng quyết toán và có biên lai lưu hồ sơ vụ án). Tổng số tiền chi cho xem xét thẩm định, định giá, đo vẽ hết 10.900.000đồng.

Yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận 1 phần , 1 phần không được chấp nhận nên tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và đo vẽ chia đôi mỗi bên chịu ½. Ông B có trách nhiệm hoàn trả cho ông L ½ số tiền xem xét thẩm định, định giá, đo vẽ là 5.450.000đồng.

[5] Về án phí: Ông L được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên ông L, ông B phải chịu án phí, tuy nhiên ông L, ông B thuộc trường hợp được miễn án phí.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 điều 26, Điều 37, Điều 147, 157, 165 BLTTDS, khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 57, Điều 203 Luật đất đai, khoản 4 Điều 22 Nghị định 43/2014 ngày 15/5/2014; điểm đ khỏan 2 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn L.

[1] Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY142072 do UBND huyện Yên L cấp ngày 12/12/2014 cho ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 138, tờ bản đồ số 02, diện tích 122m^2 bản đồ 299 hình 6,7,8,9,10,23,24,6 tại Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

[2] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn L đề nghị buộc ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị S phải trả lại cho ông Hà Văn L, bà Nguyễn Thị T thửa đất số 138, tờ bản đồ số 02, diện tích 122m^2 bản đồ 299 tại: Khu Vải Đ, xã Xuân V, huyện Yên L.

Đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông Bùi Văn B phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Hà Văn L số tiền 5.450.000đồng (Năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và đo vẽ.

[3] Về án phí:

Ông Bùi Văn B, ông Hà Văn L thuộc trường hợp được miễn án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Điêu Thị Bích Lượt